



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Năm báo cáo: 2014



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.

PSI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí

Năm báo cáo: 2014

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	4
THÔNG TIN KHÁI QUÁT	4
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	4
Thành lập	4
Quá trình phát triển	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý	6
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	8
Các Mục tiêu Chủ yếu	8
Chiến lược Phát triển Trung và Dài hạn	8
Các Mục tiêu đối với Môi trường, Xã hội và Cộng đồng của Công ty	9
CÁC RỦI RO	10
Rủi ro về Kinh tế	10
Biến động về tăng trưởng kinh tế	10
Lạm phát	10
Rủi ro Lãi suất	10
Rủi ro Tỷ giá Hối đoái	11
Rủi ro về Pháp luật	11
Rủi ro Nguồn nhân lực	11
Rủi ro về Cạnh tranh	11
TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2014	12
Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2014	12
Thị trường chứng khoán 2014	12
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CỦA PSI	13
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	13
Đánh giá chỉ tiêu Doanh thu và các mảng hoạt động chính	13
Đánh giá chỉ tiêu chi phí	14
Lợi nhuận và Chỉ tiêu An toàn Tài chính	15
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	15
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	17
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	17
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	17
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	18

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	18
Hoạt động môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông và dịch vụ tài chính	18
Hoạt động tư vấn	19
Hoạt động đầu tư	19
Lợi nhuận và chỉ tiêu an toàn tài chính	19
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	20
Tình hình tài sản	20
Tình hình nợ phải trả	20
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
Kế hoạch phát triển trong năm 2015	21
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	23
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	24
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	24
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	25
QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
Hội đồng quản trị	26
Hoạt động của Hội đồng quản trị	26
Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng Quản trị	27
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	29
LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	29
GIAO DỊCH CÓ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	29
CÁC GIAO DỊCH KHÁC	29
VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	30

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006
- Vốn điều lệ: **598.413.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **598.413.000.000** đồng
- Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
- Số điện thoại: 04 39343888
- Số fax: 04 39343999
- Website: www.psi.vn
- Mã cổ phiếu: **PSI**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí là công ty chứng khoán duy nhất thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Tập đoàn kinh tế lớn nhất Việt Nam. Nằm trong Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 26/UBCK- GPHĐCK vào ngày 19/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính & Đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Quá trình phát triển

Công ty chính thức đi vào hoạt động vào ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Từ một công ty chứng khoán non trẻ, bất chấp những khó khăn của thị trường, thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua, PSI đã không ngừng thay đổi và phát triển.

Hiện nay, Công ty đã xác lập được vị thế vững chắc trên thị trường và tạo ra sự khác biệt lớn so với các công ty chứng khoán khác, thông qua:

- Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu.
- Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, gây tiếng vang cả ở trong và ngoài nước, xứng đáng thương hiệu ngành Dầu khí.
- Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn tài chính... tại Việt Nam.

Các mốc thời gian đánh dấu quá trình phát triển của PSI

- | | |
|-------------|---|
| 2006 | Chính thức được cấp phép hoạt động |
| 2007 | Chính thức đi vào hoạt động và ra đời chi nhánh TP Hồ Chí Minh |
| 2009 | <ul style="list-style-type: none">• Thành lập hai chi nhánh mới Tại Vũng Tàu và Đà Nẵng• Công bố thương hiệu mới PSI• Áp dụng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại của TongYang – Hàn Quốc. |

- 2010
 - Tăng Vốn Điều lệ của Công ty từ 150 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng vào tháng 6/2010, và lên 509,25 tỷ vào tháng 10/2010.
 - Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010
 - Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có doanh thu dịch vụ tư vấn lớn nhất thị trường năm 2010, nhóm 10 các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường năm 2010.
 - Đạt giải thưởng thương hiệu nổi tiếng Quốc gia năm 2010 và danh hiệu Doanh nhân xuất sắc Đất Việt năm 2010 dành cho 02 cá nhân: Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT và Ông Phạm Quang Huy – Giám đốc
- 2011
 - Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản)
 - Đạt giải bình chọn Công ty tư vấn M&A tiêu biểu và giải Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu (với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011.
 - Đạt giải thưởng bình chọn “Báo cáo thường niên tốt nhất 2010”.
 - Nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán tại Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn” do VCCI tổ chức.
 - Phối hợp với Đại học NewYork – Hoa Kỳ và đơn vị bảo trợ truyền thông là Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức thành công hội thảo “Chiến lược toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hiện nay”.
- 2013
 - Nhận giải thưởng Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013 do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng.
- 2014
 - Trở thành thành viên chính thức tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ năm 2014
 - Doanh thu từ hoạt động môi giới trái phiếu trong Top 10 của thị trường.
 - Đội tư vấn tái cấu trúc cho toàn bộ Tập Đoàn Dầu khí
 - Đơn vị thực hiện thành công dự án tư vấn IPO gắn liền với niêm yết cho Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau) – mô hình lần đầu tiên được áp dụng tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh	Địa bàn kinh doanh
<ul style="list-style-type: none"> ○ Môi giới chứng khoán; ○ Tự doanh chứng khoán; ○ Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính; ○ Lưu ký chứng khoán; ○ Bảo lãnh phát hành chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thành phố Hà Nội ○ Thành phố Hồ Chí Minh ○ Thành phố Vũng Tàu ○ Thành phố Đà Nẵng

Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 7 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Ban Kiểm soát

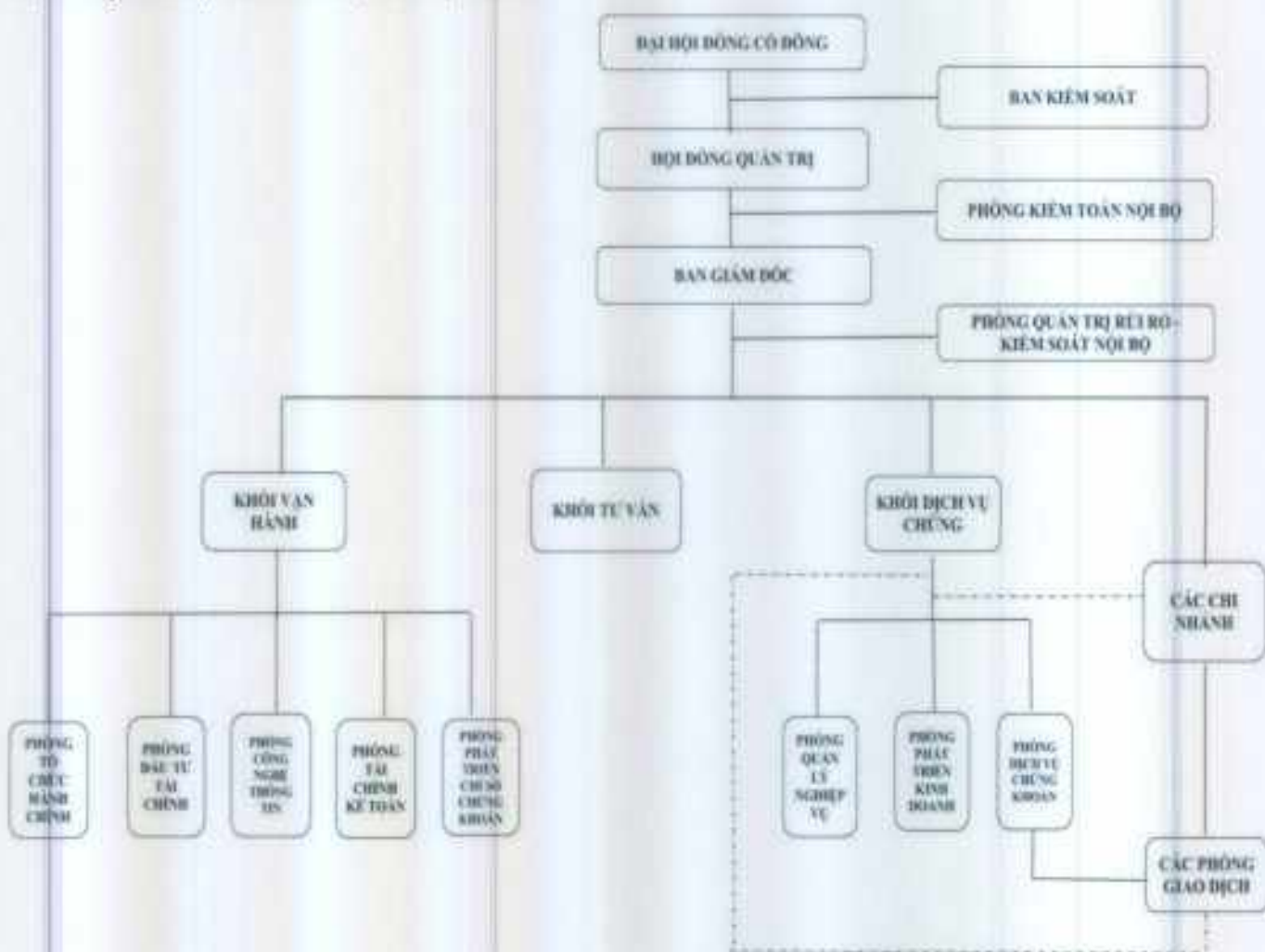
Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Ban Kiểm soát được ĐHĐCĐ giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bao gồm 06 người: 01 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Năm 2014, công ty hoàn thành việc tái cấu trúc công ty chuyên sâu hơn, tập trung vào 03 khối: Khối Dịch vụ chứng khoán, Khối Tư vấn, Khối vận hành.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các Mục tiêu Chủ yếu

Tâm nhìn	Trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực tư vấn, phân tích và dịch vụ chứng khoán, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.
Sứ mệnh	<p>PSI cam kết thực hiện và triển khai hiệu quả chiến lược và kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn nhằm bảo tồn và phát triển nguồn vốn - tài sản của Công ty đồng thời tạo ra những nguồn lợi nhuận tối ưu và bền vững cho tất cả các cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> PSI cam kết là một định chế tài chính chuyên nghiệp và hướng đến vị trí hàng đầu về dịch vụ chứng khoán cho nhiều đối tượng khách hàng trên phạm vi toàn quốc. PSI cam kết triển khai các hoạt động kinh doanh hiệu quả đem lại những lợi ích thương mại và kinh tế dài hạn và thiết thực cho tất cả khách hàng - cùng với khách hàng xây dựng và tạo ra những tài sản bền vững. PSI cam kết thể hiện một nét văn hóa trân trọng và đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp lâu dài và quyền lợi chính đáng của tập thể nhân viên PSI.
Quan điểm phát triển xuyên suốt	<ul style="list-style-type: none"> Là Công ty chứng khoán duy nhất thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PSI có nhiệm vụ hỗ trợ tích cực cho định hướng phát triển của Tập đoàn. Phát triển tương xứng với thương hiệu, tầm vóc của ngành Dầu khí, lấy ngành Dầu khí làm trọng tâm, từng bước cạnh tranh với các công ty chứng khoán trong nước và vươn ra tầm khu vực. Tạo ra sự khác biệt giữa PSI và các công ty chứng khoán khác thông qua: <ul style="list-style-type: none"> Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành, sự am hiểu trọn vẹn đối với Doanh nghiệp Dầu khí; Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, từ đó sẽ đẩy mạnh dịch vụ ra ngoài ngành, đặc biệt các khối doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp khác trên cơ sở hỗ trợ của các Cổ đông chiến lược trong và ngoài nước; Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn... tại Việt Nam, đặc biệt là các thương vụ trong ngành và khối Doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

Chiến lược Phát triển Trung và Dài hạn

Quan điểm chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> Lấy Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là trọng tâm; Lấy dịch vụ và kiến thức chuyên môn sâu về ngành Dầu khí làm nền tảng bền vững, là yếu tố quyết định sự khác biệt so với các công ty chứng khoán khác; Lấy đầu tư để tăng tốc phát triển khi có điều kiện; Lấy thị trường phía Nam là mục tiêu, đầu tư phát triển chi nhánh TP HCM thành đầu tàu phát triển dịch vụ đặc biệt là mảng dịch vụ kinh doanh chứng khoán; Lấy nhân tố con người làm hạt nhân, coi con người là tài sản quý nhất của Doanh nghiệp. Công ty định hướng phát triển theo mô hình "learning organization", việc
-----------------------------	---

	<p>học tập nâng cao trình độ chuyên môn được khuyến khích. Văn hoá học sẽ được xây dựng trên toàn hệ thống PSI;</p> <ul style="list-style-type: none">• Lấy công nghệ thông tin là công cụ quan trọng, là xương sống trong hoạt động của Công ty.
Giải đoạn 2014 - 2016	<ul style="list-style-type: none">• Là một trong những công ty chứng khoán uy tín hàng đầu tại Việt Nam, là đối tác tốt nhất của các nhà đầu tư quốc tế tại Việt Nam, là nhịp cầu kết nối các cơ hội đầu tư tại Việt Nam;• Là công ty môi giới trong nhóm Top 20 thị trường về chất lượng dịch vụ và thị phần;• Là công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tư vấn, luôn có tên trong Danh sách các nhà tư vấn được mời tham gia các thương vụ tư vấn lớn tại Việt Nam, là đối tác hàng đầu tại Việt Nam cho các tổ chức tài chính quốc tế;• Là tổ chức phân tích hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng, có lực lượng phân tích đủ mạnh để có thể phân tích được tất cả các diễn biến trong ngành, có tiếng nói trên các diễn đàn đầu tư tại Việt Nam và khu vực;• Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp với các sản phẩm, dịch vụ, quy trình đáp ứng được các tiêu chuẩn và thông lệ của Việt Nam cũng như quốc tế;• Là công ty mà các nhân sự giỏi trên thị trường mong muốn được làm việc;• Là công ty mang lại các giá trị gia tăng và uy tín cho các khách hàng

Các Mục tiêu đối với Môi trường, Xã hội và Cộng đồng của Công ty

Tham gia và đóng góp tích cực đối với việc bảo vệ môi trường, với phong trào an sinh xã hội của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái.

Hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế đều có những rủi ro liên quan đến những biến động bất lợi của nền kinh tế. Đặc biệt đối với các tổ chức hoạt động trên thị trường chứng khoán (TTCK) như các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán... sự biến động của nền kinh tế sẽ có ảnh hưởng tức thì tới sự thành bại của các công ty trong ngành.

Biến động về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Trong thời kỳ nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng trưởng và phát triển của trường chứng khoán. Trong bối cảnh này, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán đều được hưởng lợi. Tuy nhiên, nền kinh tế và thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng phát triển thuận lợi mà luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường.

Hoạt động của các công ty chứng khoán trong một chứng mục nào đó sẽ bị ảnh hưởng như doanh thu của hoạt động môi giới sẽ bị giảm sút trước tiên do thanh khoản của thị trường kém hơn.

Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như: tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán... cũng sẽ bị ảnh hưởng. Hoạt động tư doanh chứng khoán có thể sẽ để lại khoản lỗ nếu việc mua, bán không đúng thời điểm do không nhận định đúng diễn biến của thị trường. Tuy nhiên, thời kỳ nền kinh tế khó khăn lại là cơ hội tốt cho một số dịch vụ tư vấn như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, và thậm chí là cơ hội rất tốt cho hoạt động tư doanh chứng khoán nhờ đầu tư ở vùng giá thấp và hiện thực hoá lợi nhuận ở vùng giá cao.

Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động rất tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Lạm phát cũng là một loại rủi ro hệ thống, do đó vượt ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp. Biện pháp phòng ngừa rủi ro là làm tốt công tác dự báo, tiên liệu các tình huống và chủ động trong hoạt động kinh doanh của mình, tránh bị ảnh hưởng do lạm phát gây ra. Để tránh rủi ro này, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã có đội ngũ chuyên gia dự báo kinh tế vĩ mô để thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan, phân tích, đánh giá khả năng lạm phát cao, để có chiến lược kinh doanh phù hợp. Thêm nữa, là đơn vị trong Ngành Dầu khí đi theo chiến lược của Tập đoàn Dầu khí, PSI có cơ hội tiếp cận với các nguồn số liệu và luồng thông tin đáng tin cậy cho công tác dự báo của mình.

Rủi ro Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường giảm đột ngột ngoài dự tính. Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

Rủi ro Tỷ giá Hối đoái

Công ty Chứng khoán Dầu khí ít bị tác động trực tiếp từ sự biến động tỷ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động đến thị trường chứng khoán.

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhiệm vụ công tác quản lý tỷ giá là bảo đảm sự ổn định tiền tệ và tỷ giá, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Rủi ro về Pháp luật

PSI hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực còn mới và nhạy cảm, có ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội. Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện. Mặc dù Nhà nước đã ban hành và áp dụng một số chính sách bất lợi cho hoạt động kinh doanh như chính sách thuế thu nhập đối với hoạt động đầu tư, nhưng TTCK vẫn không giảm đi sự hấp dẫn, thanh khoản của thị trường vẫn gia tăng. Nhìn chung, loại rủi ro này thường ít xảy ra vì xu hướng chung là Nhà nước ngày càng ban hành các quy định pháp luật thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động của PSI cũng như các doanh nghiệp khác trên thị trường chứng khoán chịu sự chi phối trực tiếp của hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thuế.... Do vậy, ngoài rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan.

Để phòng chống rủi ro này, PSI luôn có bộ phận Pháp chế theo dõi, bám sát quá trình xây dựng các văn bản pháp luật để đón đầu cơ hội và phòng tránh trước rủi ro.

Ngoài rủi ro pháp lý về luật pháp nói chung, trong hoạt động của các công ty chứng khoán còn có loại rủi ro pháp lý phát sinh từ sự xung đột về quyền và lợi ích giữa Công ty và các đối tác hay khách hàng có thể gây những bất lợi cho Công ty. Để phòng tránh rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí luôn có thái độ tôn trọng và chấp hành pháp luật một cách nghiêm túc. Công ty có các chuyên gia pháp lý giỏi, giàu kinh nghiệm trợ giúp cho Ban Lãnh đạo Công ty và các bộ phận, phòng ban của Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Vì những lý do đó, Công ty có thể kiểm soát, hạn chế tối đa được loại rủi ro này.

Rủi ro Nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, nguồn nhân lực cũng là một yếu tố cạnh tranh khá mạnh. Trong điều kiện cạnh tranh khá gay gắt về nhân sự trong ngành chứng khoán, PSI vẫn đảm bảo sự ổn định và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, tinh thần đoàn kết, gắn bó với Công ty, và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.

Rủi ro về Cạnh tranh

Cạnh tranh là quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường, nó luôn tồn tại trong bất cứ môi trường hoạt động kinh doanh nào. Theo thống kê của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí, tính đến thời điểm hiện tại, từ 105 công ty chứng khoán nay chỉ còn 81 công ty chứng khoán đã được cấp phép và hoạt động. Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh giành thị phần đang diễn ra khá gay gắt, cụ thể:

- o Cuộc cạnh tranh về giảm mức phí dịch vụ nhằm thu hút khách hàng, giành thị phần;
- o Cạnh tranh chiếm lĩnh địa bàn kinh doanh thuận lợi;
- o Cạnh tranh về việc đầu tư, trang bị công nghệ thông tin hiện đại;
- o Cạnh tranh trong việc sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, hấp dẫn các nhà đầu tư;
- o Cạnh tranh nhân sự có chất lượng cao...

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2014

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2014

Lướt qua bức tranh toàn cảnh nền kinh tế vĩ mô Việt Nam 2014 có những điểm sáng bên cạnh những khó khăn, thách thức như:

Năm 2014 GDP cả nước ước tăng 5,98%, cao hơn so với chỉ tiêu Chính phủ đặt ra từ đầu năm 2014 và cao hơn tất cả mọi dự báo của các tổ chức trong và ngoài nước. CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với cùng kì năm ngoái, mức lạm phát năm 2014 là thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2014 đạt 814,1 nghìn tỷ đồng, bằng 104% dự toán năm, thu từ dầu thô đạt 98,1 nghìn tỷ đồng, bằng 115,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 160,3 nghìn tỷ đồng, bằng 104,1%. Giá dầu thô giảm mạnh chủ yếu từ tháng 12, chưa kịp có tác động ảnh hưởng tới thu ngân sách. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2014 ước tính đạt 968,5 nghìn tỷ đồng, bằng 96,2% dự toán năm, trong đó chi trả nợ và viện trợ 120 nghìn tỷ đồng, bằng 100%.

Tính chung cả năm 2014, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 48,4 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 101,6 tỷ USD (gồm cả dầu thô), và đạt 94,4 tỷ USD (không kể dầu thô). Tính chung năm 2014, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 84,5 tỷ USD, tăng 13,6%; khu vực kinh tế trong nước đạt 63,5 tỷ USD; như vậy cả nước năm 2014 xuất siêu 2 tỷ USD, riêng khu vực kinh tế trong nước nhập siêu hơn 15 tỷ USD, phần xuất siêu chủ yếu nằm ở khu vực đầu tư nước ngoài.

Từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2014, đầu tư trực tiếp của nước ngoài thu hút 1.588 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15.642,6 triệu USD, tăng 24,5% về số dự án và tăng 9,6% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013. Đồng thời có 594 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với 4.588,3 triệu USD. Như vậy tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 20.230,9 triệu USD, tuy giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2014 ước tính đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch năm 2014.

Tính đến ngày 19/12/2014, tổng phương tiện thanh toán tăng 15,65%. Về huy động vốn tăng 15,15%, trong đó huy động vốn bằng VND tăng 16,31%. Tăng trưởng tín dụng năm 2014 dự kiến đạt chỉ tiêu định hướng 12 - 14% đề ra từ đầu năm; trong đó, đến ngày 19/12, tín dụng tăng 11,8% so với cuối năm 2013.

Thị trường chứng khoán 2014

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm. Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức điểm 640,75 (ngày 3/9) sau gần 6 năm đạt được, trong khi chỉ số HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức điểm 92,99 (ngày 24/3) sau đúng 3 năm. Tính đến ngày 08/12/2014, chỉ số VN-Index đạt 571,68 điểm tăng 13,3% so với cuối năm 2013, còn chỉ số HNX-Index đạt 87,17 điểm tăng 28,5% so với cuối năm 2013.

Tính đến ngày 08/12/2014, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 1.164 nghìn tỷ đồng, tăng 90% so với năm 2013; giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 5.448 tỷ đồng, trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bình quân mỗi phiên đạt 2.971 tỷ đồng, cao gấp 2,2 lần so với năm 2013.

Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2014 ước đạt 237 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2013 và đóng góp 27,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tổng giá trị huy động qua phát hành Trái phiếu Chính phủ ước đạt 214 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 90% tổng giá trị vốn huy động và gần tương đương với mức huy động vốn kỷ lục trong năm 2013.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CỦA PSI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2014	Năm 2014	% TH so với KH 2014	Năm 2013	% TH 2014 so với TH 2013
I	Tổng doanh thu	80.0	97.0	121.3%	150.6	64.4%
1	Doanh thu DVCK	34.3	56.0	163.1%	39.2	142.7%
1.1	Môi giới chứng khoán	10.8	22.7	209.9%	10.7	211.7%
1.2	Lưu ký chứng khoán	3.0	5.3	177.3%	3.1	173.9%
1.3	Dịch vụ Tài chính	20.5	28.0	136.4%	25.4	110.0%
2	Doanh thu đầu tư CK, góp vốn	7.1	15.7	221.4%	67.7	23.2%
3	Doanh thu tư vấn	29.0	14.7	50.7%	28.7	51.2%
4	Doanh thu khác	9.6	10.7	110.9%	15.0	70.8%
4.1	Lãi tiền gửi	6.4	5.0	78.8%	10.2	49.5%
4.2	PVN Index	2.2	3.6	163.6%	2.6	138.8%
4.3	Khác	1.0	2.0	201.0%	2.3	89.0%
II	Tổng chi phí	75.0	92.0	122.7%	148.0	62.2%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.0	100.4%	2.7	187.6%

Đánh giá chỉ tiêu Doanh thu và các mảng hoạt động chính

Hoạt động môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông và dịch vụ tài chính

Mảng hoạt động này bao gồm các chỉ tiêu doanh thu môi giới, doanh thu lưu ký và quản lý cổ đông và 1 phần doanh thu khác. Cụ thể như sau:

Năm 2014 là một năm có nhiều biến động tích cực tạo nên nhiều cơ hội cho nhà đầu tư. TTCKVN có sự tăng trưởng cả về giá trị giao dịch và tính thanh khoản, VN Index kết thúc năm 2014 đạt 545,6 điểm tăng 7,5% so với thời điểm 31/12/2013, HNX Index tăng từ 87,84 điểm lên 82,98 điểm tương đương tăng 18,24%. Năm 2014, cùng với sự tăng trưởng tích cực của thị trường, toàn thể Cán bộ PSI đã có những nỗ lực không ngừng giúp đưa doanh thu hoạt động Môi giới của PSI vượt kế hoạch đề ra.

Tổng doanh thu của Khối DVCK năm 2014 đạt 56 tỷ đồng, vượt kế hoạch với tỷ lệ 163,1%. Trong đó Doanh thu môi giới 2014 đạt 22,7 tỷ đồng, vượt kế hoạch đầu năm với tỷ lệ 209,9%. Doanh thu lưu ký và quản lý cổ đông và doanh thu DVTC lần lượt đạt 5,3 tỷ đồng và 28 tỷ đồng, vượt kế hoạch với tỷ lệ 177,3% và 136,4% do PSI đã áp dụng chính sách dịch vụ nhất quán, linh hoạt theo thị trường, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng đầu tư.

Hoạt động Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

Doanh thu tư vấn trong năm 2014 đạt 14,7 tỷ đồng, đạt 50,7% so với KH năm đề ra là 29 tỷ đồng và đạt 51,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2014 là năm đầu tiên PSI áp dụng mô hình tư vấn mới, do đó việc thay đổi cơ cấu quản lý và con người trong Khối trong thời gian thử nghiệm đã gặp phải không ít khó khăn, dẫn đến việc thực hiện và triển khai hợp đồng tư vấn chưa mang lại hiệu quả thiết thực như mong đợi, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của toàn Khối. Ngoài ra, do ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như sửa đổi Luật đấu thầu cũng như quá trình xin ý kiến của Bộ ban ngành liên quan bị kéo

dài đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và kết quả nghiệm thu hợp đồng của PSI. Tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch như mong muốn nhưng PSI đã chứng tỏ những nỗ lực không ngừng trong việc cải thiện chất lượng tư vấn.

Đối với hoạt động ngoài ngành, PSI cũng đã ký kết được khá nhiều các hợp đồng tư vấn cổ phần hóa cho các công ty, đặc biệt tại thị trường phía Nam, nâng cao uy tín của PSI. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về chi phí cổ phần hóa bị giới hạn theo quy mô vốn doanh nghiệp, nên mặc dù số lượng hợp đồng ghi nhận là cao, nhưng tổng giá trị doanh thu chưa đạt được như kì vọng.

Đối với hoạt động tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, PSI vẫn triển khai theo đúng kế hoạch đã định hướng. Với mục tiêu tập trung khai thác tốt thị trường trong ngành nhưng vẫn không bỏ qua các cơ hội phát triển thị trường ngoài ngành, hoạt động tư vấn M&A một mặt luôn tích cực triển khai tư vấn thoái vốn tìm cổ đông chiến lược cho các tổng công ty mà tập đoàn đang có nhu cầu thoái vốn, một mặt, bám sát nhu cầu thị trường, các đề án tái cấu trúc của các tập đoàn và các tổng công ty lớn khác của nhà nước, bước đầu gặt hái được những thành công và ghi nhận được uy tín trên thị trường. Tuy nhiên, với đặc thù của hoạt động M&A và một số điều kiện khách quan (kế hoạch bị hoãn triển khai, hợp đồng bị chậm ký kết, v.v...) mà mảng M&A trong năm qua đã không ghi nhận được doanh thu như kế hoạch. Tuy nhiên, dự kiến trong quý đầu 2015, với nỗ lực vượt bậc của toàn thể ban lãnh đạo và nhân viên của khối tư vấn, dự kiến hoạt động M&A sẽ ghi nhận được nhiều kết quả khả quan với việc hoàn tất một số hợp đồng tư vấn lớn.

Và cũng cần phải khẳng định lại, cho đến nay, PSI đã xây dựng được đội ngũ tư vấn có trình độ cao, có khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và kết nối được với các tổ chức tư vấn tài chính hàng đầu thế giới. Cùng với sự hỗ trợ to lớn từ đối tác chiến lược SMBC Nikko, thông qua 02 cổ vấn thường trực tại PSI trong suốt 4 năm vừa qua, sự hợp tác về nghiệp vụ và mạng lưới giữa hai bên đã góp phần đưa vị thế của PSI lên tầm cao mới, nhiều tổ chức tài chính lớn trên thế giới đã chủ động tìm đến với PSI ngày càng nhiều hơn. Có thể khẳng định, các nhà đầu tư Nhật Bản tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam thông qua SMBC Nikko và PSI đang ngày càng nhiều hơn, hứa hẹn khả năng thành công cao trong hoạt động tư vấn M&A trong năm 2015.

Hoạt động Đầu tư

- Tổng doanh thu từ hoạt động đầu tư năm 2014 là 15,7 tỷ đạt 221,4% kế hoạch giao đầu năm. Trong đó doanh thu từ lãi tự doanh 7 tỷ, doanh thu từ cổ tức 5,8 tỷ, doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư, UTQLV đạt 2,9 tỷ đồng.
- Đối với dịch vụ hợp tác đầu tư, công ty đã thực hiện thành lý toàn bộ các hợp đồng với khách hàng, thực hiện thu vốn và lãi đúng theo kế hoạch.
- Dịch vụ ủy thác quản lý vốn được quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính pháp lý cao, xử lý các tình huống phát sinh kịp thời, hiệu quả
- Cùng với những Người đại diện vốn, cập nhật danh mục đầu tư, lập báo cáo đầy đủ, kịp thời báo cáo lãnh đạo.

Hoạt động thoái vốn danh mục OTC bước đầu đã có những biến chuyển tích cực (giảm được 24% tổng giá trị đầu tư OTC so với thời điểm đầu năm 2014), tuy nhiên vẫn chưa đạt yêu cầu do danh mục chủ yếu tồn tại từ quá khứ và do nguồn nhân lực còn hạn chế trong việc chủ động tạo ra cơ hội thoái vốn.

Đánh giá chỉ tiêu chi phí

Trong năm 2014, ngay từ đầu năm, xác định thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, PSI đã chủ động tiếp tục cắt giảm các khoản mục chi phí, giãn tiến độ các khoản đầu tư chưa thực sự cần thiết song song với công tác tái cấu trúc Công ty. Cụ thể, chi phí hoạt động thường xuyên của Công ty đã tiết giảm được 33% so với năm 2013.

Lợi nhuận và Chỉ tiêu An toàn Tài chính

Năm 2014 Công ty đạt được 5 tỷ đồng lợi nhuận, đạt 100% kế hoạch ĐHCĐ giao. Chỉ tiêu An toàn tài chính tại ngày 31.12.2014 của Công ty là 234%, đạt trên mức yêu cầu tối thiểu (180%) theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành:

Bà Hoàng Hải Anh - Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán

- 7/2007 – 7/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí
- 8/2010 - 05/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 2013 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Ông Phạm Quang Huy - Ủy viên HĐQT, Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán:

- 10/2003 – 5/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Bảo Việt.
- 6/2009 – 10/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 11/2009 đến nay: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Ông Đoàn Thành Nhân - Ủy viên HĐQT chuyên trách

Thạc sỹ Luật học, 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật: luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các ngành luật có liên quan.

- 1995 – 2007: Giảng viên Trường ĐH Luật
- 2007 – 2009: Phó phòng phụ trách phòng Pháp chế và KSNB Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
- 2009 – 2010: Giám đốc Ban TCHC&PC Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 2010 – 2011: Trưởng ban TCNS Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí VN
- 2011 – nay: Ủy viên HĐQT chuyên trách, Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát:

Thạc sỹ Tài chính Kế toán, 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

- 12/2006 đến nay: làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Dầu khí qua các chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Xuân Hưng - Phó Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 8/2007 – 4/2009: Giám đốc Ban Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 5/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Trần Hùng Dũng - Phó Giám đốc

Tiến sỹ Kinh tế, 21 năm kinh nghiệm làm việc trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán.

- 2007 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Mai Trung Dũng- Phó Giám đốc

Thạc sĩ tài chính – ngân hàng, 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

- 2002 – 10/2013: Phó Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương.
- 11/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Ông Đặng Minh Quang - Phó Giám đốc

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 2008 - 2010: Giám đốc kế hoạch chiến lược và phát triển hệ thống – Ngân hàng Bảo Việt.
- 04/2010 – 10/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Quốc tế Sơn Hà.
- 11/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Bà Thái Việt Anh - Phó Giám đốc

Thạc sĩ quản trị kinh doanh, 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và chứng khoán.

- 2010 – 11/2014: Phó Giám đốc, Giám đốc tư vấn phụ trách tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.
- 12/2014 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Bà Đinh Thị Lan Phương - Kế toán Trưởng

Cử nhân Kinh Tế - Ngành Tài chính Tín dụng, 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán ngành chứng khoán.

- 7/2010 : Phó Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 23/08/2013 đến nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng Khoán Dầu khí

Những thay đổi trong Ban Điều hành

Tháng 12/2014: Bổ nhiệm Bà Thái Việt Anh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến ngày 31/12/2014: 146 người (không bao gồm 5 Môi giới phát triển khách hàng)

Trụ sở	116 người
Chi nhánh HCM	20 người
Chi nhánh Vũng Tàu	6 người
Chi nhánh Đà Nẵng	4 người

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Các khoản đầu tư lớn: Tính đến thời điểm hiện nay tổng giá trị đầu tư: 259,5 tỷ đồng. Trong năm 2014, ngoài việc thoái thành công danh mục chứng khoán niêm yết, Công ty đã thoái vốn toàn bộ cổ phiếu PV Machino với tổng trị giá đầu tư 79 tỷ đồng. So với thời điểm 31/12/2013, tổng giá trị đầu tư giảm 32%, tương ứng giảm 123,5 tỷ đồng, tiếp tục đưa tổng giá trị đầu tư trên vốn chủ sở hữu xuống còn 43%.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	813,844,326,607	927,002,332,007	88%
Doanh thu	97,034,154,119	150,637,051,780	64%
Thuế và các khoản phải nộp	7,135,458,827	5,054,666,887	141%
Lợi nhuận trước thuế	5,021,994,582	2,676,010,726	188%
Lợi nhuận sau thuế	5,021,994,582	2,676,010,726	188%

CƠ CẤU CỔ ĐỒNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

Cơ cấu cổ đồng

STT	Cổ đồng	Tỉ lệ
1	SMBC Nikko Securities Inc.	14.90%
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	14.47%
3	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcombank)	9.43%
4	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	6.75%
5	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công Đoàn Dầu khí Việt Nam	6.68%
6	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Cát Việt	13.39%
7	Công ty CP Du lịch biển Mỹ Khê	4.68%
8	Cổ đồng khác	36.07%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có

BAO CAO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2014	Năm 2014	% TH so với KH 2014	Năm 2013	% TH 2014 so với TH 2013
I	Tổng doanh thu	80.0	97.0	121.3%	150.6	64.4%
<i>1</i>	<i>Doanh thu DVCK</i>	<i>34.3</i>	<i>56.0</i>	<i>163.1%</i>	<i>39.2</i>	<i>142.7%</i>
1.1	Môi giới chứng khoán	10.8	22.7	209.9%	10.7	211.7%
1.2	Lưu ký chứng khoán	3.0	5.3	177.3%	3.1	173.9%
1.3	Dịch vụ Tài chính	20.5	28.0	136.4%	25.4	110.0%
<i>2</i>	<i>Doanh thu đầu tư CK, góp vốn</i>	<i>7.1</i>	<i>15.7</i>	<i>221.4%</i>	<i>67.7</i>	<i>23.2%</i>
<i>3</i>	<i>Doanh thu tư vấn</i>	<i>29.0</i>	<i>14.7</i>	<i>50.7%</i>	<i>28.7</i>	<i>51.2%</i>
<i>4</i>	<i>Doanh thu khác</i>	<i>9.6</i>	<i>10.7</i>	<i>110.9%</i>	<i>15.0</i>	<i>70.8%</i>
4.1	Lãi tiền gửi	6.4	5.0	78.8%	10.2	49.5%
4.2	PVN Index	2.2	3.6	163.6%	2.6	138.8%
4.3	Khác	1.0	2.0	201.0%	2.3	89.0%
II	Tổng chi phí	75.0	92.0	122.7%	148.0	62.2%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.0	100.4%	2.7	187.6%

Với những chuyển động tương đối tích cực của thị trường chứng khoán, cùng với sự tin tưởng của cổ đông cũng như nỗ lực không ngừng của tập thể PSI đã đem đến cho PSI kết quả kinh doanh khả quan và hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

Hoạt động môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông và dịch vụ tài chính

Doanh thu môi giới năm 2014 đạt 22,7 tỷ đồng, bằng 209,9% so với kế hoạch đặt ra và bằng 211,7% so với năm 2013.

Năm 2014, bên cạnh việc tái cấu trúc Khối Tư vấn, Công ty cũng đã bắt đầu giai đoạn sớm của việc tái cấu trúc hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán. Với mục tiêu đầu tiên là nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng nhân sự, rà soát sửa đổi quy trình nghiệp vụ, xây dựng và củng cố bộ phận phân tích và tư vấn đầu tư. Với diễn biến thuận lợi hơn của thị trường chứng khoán trong năm 2014, cùng với sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, doanh thu của mảng hoạt động này đã bước đầu vượt xa kế hoạch đề ra và phát triển mạnh so với năm 2013. Bên cạnh việc củng cố chất lượng các dịch vụ truyền thống, công ty cũng đã chú trọng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới như các sản phẩm chỉ số, môi giới đầu thầu trái phiếu... Các dịch vụ mới đã bước đầu đóng góp cho doanh thu hoạt động của công ty.

Hoạt động lưu ký và QLGD đạt 5,3 tỷ đồng, hoàn thành 177,3% so với kế hoạch năm nhờ hoàn thành xong việc lưu ký các mã chứng khoán của các đơn vị thành viên Tập đoàn Dầu khí, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các chứng khoán đã được niêm yết và đẩy nhanh tiến độ thoái vốn theo kế hoạch, đồng thời giúp tăng doanh thu phí lưu ký, vượt chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

Doanh thu dịch vụ tài chính cũng vượt kế hoạch năm đề ra, đạt 136,4% so với kế hoạch năm 2014 do Công ty đã thực hiện thành công việc thoái vốn một phần danh mục đầu tư OTC để tăng nguồn vốn cho dịch vụ tài chính.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn thực hiện 14,7 tỷ đồng, hoàn thành 43% kế hoạch năm đề ra. Nguyên nhân chính khiến cho hoạt động tư vấn không đạt được như kế hoạch là do trong năm 2014 các hợp đồng tư vấn từ khách hàng lớn là PVN và các doanh nghiệp trong ngành sụt giảm và là năm đầu tiên PSI áp dụng mô hình tư vấn mới. Việc thay đổi cơ cấu quản lý và con người trong Khối trong thời gian thử nghiệm đã gặp phải không ít khó khăn, dẫn đến việc thực hiện và triển khai hợp đồng tư vấn chưa mang lại hiệu quả thiết thực như mong đợi, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của toàn Khối. Ngoài ra, do ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như sửa đổi Luật đầu thầu cũng như quá trình xin ý kiến của Bộ ban ngành liên quan bị kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và kết quả nghiệm thu hợp đồng của PSI.

Tuy chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch như mong muốn nhưng PSI đã chứng tỏ những nỗ lực không ngừng trong việc cải thiện chất lượng tư vấn bằng những thay đổi rất cụ thể như nhân sự, cơ cấu tổ chức, quản lý và vận hành. Trong năm 2014, PSI đã cơ bản tiến sang cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, chào bán, thoái vốn cho các đơn vị ngoài ngành (giao thông, điện, nước) và là tiền đề để cung cấp các dịch vụ tư vấn chất lượng cao cùng với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược SMBC Nikko. Đặc biệt, không chỉ trở thành nhà tư vấn quen thuộc cho các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, PSI còn đóng vai trò tích cực trong việc triển khai Đề án tái cấu trúc, thoái vốn đã được Chính phủ phê duyệt của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam. Công ty cũng tiếp tục là đơn vị vận hành tốt Bộ chỉ số PVN Index cho Tập đoàn.

Ngoài ra, PSI cũng đang từng bước triển khai thêm các sản phẩm tư vấn tài chính mới như tư vấn phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp, tư vấn quản trị chiến lược với sự kết hợp cùng các Tập đoàn tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới.

Như vậy, năm 2014 đã khép lại một năm với những tồn tại và khó khăn đối với hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, hứa hẹn một năm sắp tới sẽ cần nhiều nỗ lực hơn nữa của tập thể cán bộ tư vấn PSI nói chung và ban lãnh đạo PSI nói riêng trong việc nghiên cứu và áp dụng mô hình Khối tư vấn mới và các sản phẩm bổ sung một cách hiệu quả và thiết thực, đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt kết quả tốt đẹp.

Hoạt động đầu tư

Doanh thu hoạt động đầu tư thực hiện là 15,7 tỷ đồng, tương ứng 221,4% kế hoạch năm. Kết quả đạt được chủ yếu là khoản thu từ cổ tức của cổ phiếu trong danh mục đầu tư và lãi bán chứng khoán. Năm 2014 đánh dấu nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty trong việc cải thiện chất lượng tài sản của PSI thông qua việc thực hiện thành công thoái vốn một phần đáng kể danh mục đầu tư cổ phiếu OTC, tạo nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn của Công ty.

Lợi nhuận và chỉ tiêu an toàn tài chính

Năm 2014 Công ty đạt được 5 tỷ đồng lợi nhuận, hoàn thành Kế hoạch ĐHCĐ giao. Tuy kết quả còn khiêm tốn nhưng rất đáng ghi nhận trong bối cảnh Công ty xuất phát điểm còn nhiều khó khăn và xác định mục tiêu ưu tiên là tái cấu trúc và nâng cao chất lượng tài sản để phát triển bền vững.

Chỉ tiêu An toàn tài chính tại ngày 31.12.2014 của Công ty là 234% trên mức yêu cầu tối thiểu (180%) theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

Ngoài các chỉ tiêu định lượng trong năm 2014, PSI đã đạt được những kết quả sau:

Hoạt động tư vấn đã có được sự tin tưởng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đặc biệt trong hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp và kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài. Cán bộ Khối tư vấn và lãnh đạo PSI đã làm tốt công tác tái cấu trúc cho các đơn vị thuộc đề án tái cấu trúc của Tập đoàn, nổi bật là việc tổ chức cổ phần hóa, IPO Đạm Cà Mau, thực hiện tư vấn chuyển nhượng/ chuyển giao hệ thống kinh doanh xăng dầu cho 2 DNNN, tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược cho các doanh nghiệp lớn của Tập đoàn Dầu khí và thực hiện thoái vốn, tổ chức lại các doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo nhiệm vụ đã được Chính phủ phê duyệt của các doanh nghiệp Nhà nước.

PSI đã thực hiện tốt công tác quản trị và kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh. Hoạt động quản trị rủi ro luôn bám sát các quy định của UNCKNN cũng như các quy định nội bộ của Công ty. Đối với công tác quản trị doanh nghiệp, Công ty đã rà soát và chỉnh sửa, ban hành đồng bộ hệ thống quy chế, quy định tạo hành lang pháp lý rõ ràng, khuyến khích các hoạt động kinh doanh đồng thời quản trị tốt rủi ro. Năm

2014, về cơ bản Công ty đã hoàn thành công tác tái cấu trúc thành 3 Khối, thay đổi người đại diện trước Pháp luật, sửa đổi, ban hành các Quy trình quy chế theo mô hình mới.

Công tác tái cấu trúc của Công ty đã đạt hiệu quả, đặc biệt trong công tác tái cấu trúc nhân sự, cắt giảm chi phí.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Các tài sản liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013	% tăng giảm
Đầu tư ngắn hạn	404,596,329,975	596,657,131,094	68%
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2,329,227,408)	(31,999,105,071)	7%
Đầu tư dài hạn	-	-	

Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Nợ phải trả ngắn hạn	31/12/2014	31/12/2013	% tăng giảm
Vay và nợ ngắn hạn	-	40,000,000,000	0%
Phải trả người bán	42,272,788	1,754,587,873	2%
Người mua trả tiền trước	170,406,645	467,456,645	36%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,974,164,723	581,782,127	339%
Phải trả người lao động	2,772,331,295	11,145,483,075	25%
Chi phí phải trả	1,833,357,592	4,983,315,555	37%
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	61,490,100,828	111,850,423,581	55%
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	116,561,806,802	147,970,568,725	79%
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30,079,671,803	13,891,982,200	217%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(74,217,077)	(497,967,077)	15%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	850,000	383,112,677	0%
Tổng cộng	214,850,745,399	332,530,745,381	65%

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện chủ trương chung trong việc tái cấu trúc các Công ty Chứng khoán, ngay từ đầu năm 2013, PSI đã quyết liệt thực hiện đề án tái cấu trúc toàn Công ty nhằm tập trung nguồn lực phát triển các lĩnh vực hoạt động đang là thế mạnh của PSI, rà soát cắt giảm các lĩnh vực hoạt động chưa hiệu quả, sắp xếp lại nhân sự, mạng lưới cho phù hợp với tình hình, chiến lược kinh doanh mới để tiết kiệm chi phí, tăng cường hiệu quả kinh doanh.

Thực hiện kiểm soát chi phí hàng tuần, tháng theo từng khoản mục chi phí, tại từng đơn vị, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn công ty.

Công ty đã xây dựng và dự kiến đưa vào vận hành mô hình hoạt động theo 3 khối: Khối tư vấn, khối dịch vụ chứng khoán và khối vận hành từ đầu năm 2014.

Kế hoạch phát triển trong năm 2015

Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2015

Theo báo cáo ngày 29/12/2014 của Ủy Ban Giám sát Tài chính Quốc gia (UBGSTCQG), kinh tế thế giới năm 2015 được các tổ chức quốc tế (IMF, OECD) dự báo ở mức cao hơn năm 2014, ở mức 3,8% (IMF) và 3,7% (OECD) tăng 0,5 – 0,4 điểm phần trăm so với mức ước tính cho năm 2014. Tăng trưởng thương mại thế giới được dự báo sẽ phục hồi ở mức 4% (tăng khá so với mức 3,1% năm 2013 và 2,1% năm 2012), đầu tư trực tiếp nước ngoài ở mức 1,8 nghìn tỷ USD. Để đảm bảo tăng trưởng phục hồi, nhiều quốc gia sẽ nới lỏng chính sách tài khóa và đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế.

Hiện Việt Nam đang đặt mục tiêu kinh tế năm 2015 với tăng trưởng GDP khoảng 6,2%; lạm phát kiềm chế dưới mức 5%, cải thiện cán cân thương mại, đầu tư đạt 30 – 32% GDP, tăng trưởng tín dụng khoảng 15%, tiếp tục tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay.

Trên cơ sở kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, giá dầu thế giới giảm, qua đó hỗ trợ tích cực cho giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, kích cầu tiêu dùng; kinh tế vĩ mô, cũng như thị trường chứng khoán (TTCK) kết thúc năm 2014 đạt được nhiều kết quả tích cực, đây là các nền tảng hỗ trợ tốt cho diễn biến lạc quan của TTCK Việt Nam trong năm 2015.

Một trong những sự kiện quan trọng của ngành chứng khoán năm 2014 là thực hiện Hội nghị xúc tiến đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam diễn ra tại thủ đô Tokyo, Nhật Bản ngày 25/4/2014. Hội nghị đã thu hút sự tham gia của gần 200 nhà đầu tư Nhật Bản và đại diện các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang chuẩn bị niêm yết trên sàn chứng khoán. Theo đó, TTCK Việt Nam kỳ vọng sẽ thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư Nhật Bản trong năm 2015.

Một số yếu tố khác sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển khả quan hơn của TTCK trong năm 2015 bao gồm:

- Khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn với triển vọng TPP được kí kết trong năm 2015. Bên cạnh đó, việc sửa đổi, và dự kiến sửa đổi nhiều Luật quan trọng như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Nhà ở cũng tạo điều kiện cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam. Đồng thời, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá từ những dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và sẽ tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.
- Với dự báo giá dầu thế giới trong năm 2015 giảm 33% và giá định giá xăng dầu trong nước giảm tương ứng, ước tính giá thành sản phẩm sản xuất trong nước sẽ giảm 3% (theo báo cáo của UBGSTCQG), từ đó Việt Nam có thể đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 3%.
- Kế hoạch cổ phần hóa DNNN, cổ phần hóa gắn với đăng ký giao dịch, niêm yết trên TTCK sẽ được triển khai quyết liệt hơn;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thu hút hiệu quả hơn các dòng vốn, nhất là vốn đầu tư nước ngoài tham gia thị trường trong năm 2015;
- Tiếp tục triển khai tái cấu trúc TTCK theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm; Triển khai phát triển thị trường phái sinh, để sẵn sàng triển khai giao dịch trong năm 2016.
- Sự ra đời của Thông tư 36/2014/TT-NHNN giới hạn tỷ lệ sử dụng vốn vay của ngân hàng để đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán (vay margin), tuy trong ngắn hạn có thể ảnh hưởng tới tính thanh khoản TTCK, nhưng trong dài hạn, chính sách kiểm soát chặt dòng tiền từ khu vực ngân hàng vào TTCK của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) sẽ tác động tích cực và mang lại tính ổn định lâu dài cho thị trường.

Về hành lang pháp lý, do năm 2015 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội giai đoạn 5 năm 2011-2015 của Chính phủ, để hỗ trợ TTCK phát triển tích cực hơn trong năm 2015, cơ quan quản lý sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành như: Quyết định thành lập Sở GDCK Việt Nam; và Nghị định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh.

Nhìn nhận một cách tổng quan, với nền tảng đã đạt được trong năm 2014 (chỉ tiêu tăng trưởng GDP vượt kế hoạch và chỉ số CPI thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây), trong năm 2015, TTCK sẽ chuyển biến theo chiều hướng tích cực hơn khi mặt bằng lãi suất và lạm phát được giữ ổn định. Cùng với sự phát triển của thị trường, nhiều cơ hội sẽ mở ra đối với các công ty chứng khoán, trong đó có PSI trong năm 2015.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015

Căn cứ theo năng lực hiện tại và định hướng chiến lược phát triển trong tương lai, PSI đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ VND

STT	Khoản mục	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	% KH 2015 so với TH 2014
I	Tổng doanh thu	97.0	88.8	91.5%
1	Doanh thu DVCK	56.0	55.2	98.6%
1.1	Môi giới chứng khoán	22.7	23.0	101.5%
1.2	Lưu ký chứng khoán	5.3	6.0	112.8%
1.3	Dịch vụ Tài chính	28.0	26.2	93.7%
2	Doanh thu đầu tư CK, góp vốn	15.7	7.3	46.4%
3	Doanh thu tư vấn	14.7	19.5	132.7%
4	Doanh thu khác	10.7	6.8	63.8%
4.1	Lãi tiền gửi	5.0	3.1	61.5%
4.2	PVN Index	3.6	2.2	61.1%
4.3	Khác	2.0	1.5	74.6%
II	Tổng chi phí	92.0	83.8	91.1%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.0	99.6%

Hoạt động Dịch vụ Chứng khoán

- Trong năm 2015, doanh thu dịch vụ chứng khoán dự kiến đạt 55,2 tỷ đồng, giảm 1,4% so với thực hiện năm 2014 do dự báo mặt bằng lãi suất năm 2015 thấp hơn năm 2014. Trước tình hình đó, PSI vẫn đạt mục tiêu sẽ tiếp tục đẩy mạnh nguồn vốn cho hoạt động margin. Tuy nhiên, do mặt bằng lãi suất chung năm 2015 đã giảm và dự kiến tiếp tục giảm nên chỉ tiêu doanh thu kế hoạch giảm.
- Kế hoạch trọng tâm năm 2015 của PSI đối với hoạt động môi giới sẽ tập trung tiến hành tái cấu trúc đồng bộ cả hệ thống bao gồm (i) cải thiện chất lượng nhân sự, xây dựng nguồn nhân lực cạnh tranh; (ii) cải tiến và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ giao dịch; và (iii) xây dựng và triển khai sản phẩm mới với các đối tác chiến lược bao gồm Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcombank) và SMBC Nikko; Tiếp tục đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm dịch vụ chứng khoán hiện có (cổ phiếu, trái phiếu) và phát triển các sản phẩm mới đón đầu thị trường (các công cụ chứng khoán phái sinh) dựa trên nền tảng sẵn có là kinh nghiệm phát triển bộ chỉ số PVN- Index vừa qua.

Hoạt động Đầu tư Chứng khoán và Góp vốn

- Doanh thu đầu tư chứng khoán góp vốn dự kiến là 7,3 tỷ đồng, giảm 53,5% so với thực hiện năm 2014. Do hiện trạng danh mục đầu tư của Công ty có tỷ trọng cao là OTC, nên công ty cũng cần nhắc nhở cẩn trọng trong việc dành nguồn lực vốn cho tự doanh để đảm bảo không quá mạo hiểm

trong đầu tư. Vì vậy, doanh thu đầu tư năm 2015 được đặt mục tiêu khiêm tốn nhưng Công ty sẽ cải thiện được chất lượng danh mục và giảm chi phí vốn do thu hồi được vốn tồn đọng

- Chủ trương năm 2015 của PSI là (i) tiếp tục tập trung cơ cấu lại các khoản đầu tư, (ii) không đầu tư mới, không đầu tư mạo hiểm, (iii) tận dụng cơ hội thị trường để tiếp tục giảm tổng giá trị danh mục đầu tư, thoái vốn danh mục tồn đọng, đảm bảo an toàn tài chính chung.

Hoạt động Tư vấn

- Doanh thu tư vấn năm 2015 là 19,5 tỷ đồng, tăng 32,7% so với thực hiện năm 2014. Đây cũng là mảng hoạt động PSI đạt kỳ vọng sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2015.
- Cơ sở để PSI đặt kế hoạch doanh thu tư vấn năm 2015 bao gồm: (i) các dự án đã triển khai trong năm 2014 sẽ được ghi nhận doanh thu trong năm 2015; (ii) các hợp đồng tư vấn mới đã ký cuối năm 2014, sẽ được triển khai và thu phí ngay trong năm 2015; và (iii) dự báo các hợp đồng sẽ ký mới và thu được phí hoặc một phần phí trong năm 2015.
- Trong năm 2015, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu củng cố vai trò tư vấn tài chính cho các đơn vị trong ngành dầu khí, sát cánh cùng các đơn vị trong ngành thực hiện mục tiêu phát triển của từng đơn vị, thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn như niêm yết, phát hành chứng khoán, tìm kiếm cổ đông chiến lược và mua bán sáp nhập, tư vấn quản trị doanh nghiệp... Ngoài ra, PSI vẫn sẽ hướng tới việc khai thác và phục vụ các đơn vị ngoài ngành, nhằm đảm bảo khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra cho mảng tư vấn trong năm 2015.

Hoạt động Khác

- Năm 2015, PSI đặt kế hoạch doanh thu từ hoạt động khác là 6,8 tỷ đồng, chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng, giảm 36,2% so với thực hiện năm 2014 do dự báo mặt bằng lãi suất năm 2015 thấp hơn năm 2014. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà Nước (NHNN), trong năm 2014, mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/năm so với cuối năm 2013. Trong đó, mặt bằng lãi suất huy động giảm 1,5-2%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 2%/năm, đưa mặt bằng lãi suất thấp hơn mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006. Cũng theo NHNN, đối với chính sách tiền tệ năm 2015, mặt bằng lãi suất cho vay trung và dài hạn sẽ có thể xuống thêm 1%, hướng tới mặt bằng lãi suất cho vay trung và dài hạn xuống dưới 10%.

Chi phí

- Kế hoạch chi phí năm 2015 là 83,8 tỷ đồng, giảm 8,9% so với thực hiện năm 2014. Chi phí năm 2015 dự kiến giảm do mục tiêu của PSI trong năm 2015 là thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, đặc biệt là đối với các mảng hoạt động đặt kế hoạch doanh thu giảm.
- Một số biện pháp cắt giảm chi phí bao gồm (i) nâng cao chất lượng tài sản; (ii) xây dựng chiến lược kinh doanh và kiện toàn tổ chức hoạt động của toàn công ty, trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc hoạt động của các khối vận hành và khối kinh doanh; đồng thời tiếp tục (iii) trích lập dự phòng các khoản đầu tư OTC.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (xin xem văn bản đính kèm).

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị trường thế giới giảm sâu và vẫn đang tiếp tục giảm. Đối với các quốc gia nhập khẩu dầu, giá dầu giảm giúp thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư tư nhân cũng như cải thiện cán cân thanh toán. Tuy nhiên, đối với các nước sản xuất dầu, thực trạng thị trường giá dầu mỏ giảm sẽ tác động mạnh đến kinh tế theo chiều hướng thuận lợi và khó khăn đan xen.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

Bên cạnh những khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường thì trong năm 2014 cũng tạo nhiều cơ hội để thị trường phát triển. Chính phủ tiếp tục tích cực triển khai các biện pháp để tái cấu trúc nền kinh tế sau khi các đề án về tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán đã được ban hành, đồng thời thực hiện các chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2014. Chính phủ chỉ đạo triển khai các giải pháp tích cực nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, xử lý các vấn đề về nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản, tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất. Điều kiện kinh tế trong nước đã có những cải thiện nhất định khi lạm phát từng bước được kiểm chế. Cán cân thương mại cải thiện theo hướng tích cực, mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm dần, tỷ giá được duy trì ổn định, dự trữ ngoại hối tăng dần. Chính phủ ban hành nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường thông qua các giải pháp về thuế, phí, hỗ trợ tài chính, chỉ tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản. Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhiều giải pháp nhằm giảm dần mặt bằng lãi suất, triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp, cũng như tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; Khung pháp lý cho thị trường và cho công tác tái cấu trúc thị trường, đặc biệt là tái cấu trúc các công ty chứng khoán về cơ bản đã được thực hiện, tạo ra tiền đề rất quan trọng để thúc đẩy thị trường chứng khoán trong thời gian tới.

Xen kẽ trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ, tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng. Tính đến ngày 08/12/2014, chỉ số VN-Index đạt 571,68 điểm tăng 13,3% so với cuối năm 2013, còn chỉ số HNX-Index đạt 87,17 điểm tăng 28,5% so với cuối năm 2013.

Trong điều kiện đó, tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra với tổng doanh thu 97 tỷ đồng đạt 131,3% so với kế hoạch và lợi nhuận đạt 5 tỷ đồng đạt 100,4% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong đó đang chú ý là doanh thu hoạt động đầu tư thực hiện là 15,7 tỷ đồng, tương ứng 221,4% kế hoạch năm. Doanh thu dịch vụ chứng khoán đạt 56 tỷ đồng đạt 163,1% kế hoạch năm.

Ngày 15/5/2014, Hội đồng Quản trị PSI đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-CKDK bổ nhiệm bà

Hoàng Hải Anh – Chủ tịch HĐQT là người đại diện trước Pháp luật của PSI kể từ ngày 1/6/2014.

Công ty đã hoàn thành thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi người đại diện theo Pháp luật của PSI theo Giấy phép số 10/GPĐC-UBCK ngày 02/6/2014.

Đã hoàn thành cơ bản các Quy chế quan trọng của Công ty như Quy chế Quản lý Tài chính, Quy chế Hoạt động Đầu tư, Quy chế Hoạt động dịch vụ tài chính, Quy chế quản lý người đại diện tại các doanh nghiệp, dự án và công tác giám sát các khoản đầu tư, Quy chế quản lý Nhân sự, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế phân quyền, ủy quyền, Chính sách rủi ro theo Điều lệ mới được ĐHCĐ thông qua, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015, HĐQT tập trung chỉ đạo xây dựng và triển khai thành công kế hoạch kinh doanh 2015 với mục tiêu trên từng hoạt động cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Chỉ đạo công tác xây dựng chiến lược giai đoạn mới;
- Đẩy mạnh hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính, tập trung vào các vấn đề trọng tâm: Phát triển, chuyên nghiệp hóa hoạt động dịch vụ cho khách hàng các nhân, tổ chức và khách hàng nước ngoài; Tổ chức được bộ phận Tư vấn đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và các phòng giao dịch; Tăng tỉ lệ tài khoản active; Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ về trái phiếu; Triển khai cung cấp dịch vụ cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng của PSI qua PVcomBank;
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống giao dịch toàn Công ty thông suốt, tăng tiện ích cho khách hàng, nâng cao hiệu năng quản lý hệ thống;
- Tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, nhân sự và đảm bảo nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ và thị phần môi giới;
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư của PSI.
- Kiểm soát chi phí, tăng hiệu quả hoạt động của từng bộ phận.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| • Bà Hoàng Hải Anh | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Phạm Quang Huy | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty |
| • Ông Đoàn Thành Nhân | Ủy viên HĐQT chuyên trách |
| • Ông Nguyễn Việt Hà | Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm |
| • Ông Trần Minh Hoàng | Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm |
| • Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng | Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm |
| • Ông Yazawa Takahiro | Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm |

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị (HĐQT) tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 8 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Sтт	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Hoàng Hải Anh	CT HĐQT	12/12		
2	Ông Phạm Quang Huy	UVHĐQT	11/12	83%	
3	Ông Nguyễn Việt Hà	UVHĐQT	11/12	83%	Ủy quyền cho bà Hoàng Hải Anh tham dự họp 01 buổi ngày 07/04/2014
4	Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng	UVHĐQT	12/12	100%	
5	Ông Đoàn Thành Nhân	UVHĐQT	12/12	100%	
6	Ông Takahiro Yazawa	UVHĐQT	12/12		
7	Ông Trần Minh Hoàng	UVHĐQT	11/12	83%	UQ cho Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng tham dự họp 01 buổi ngày 07/04/2014

Trong năm 2014, HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Giám đốc đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của HĐQT cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT, UV HĐQT chuyên trách tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Giám đốc.
- HĐQT xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2014 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc gửi báo cáo HĐQT. Từ đó, HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Phòng Kiểm toán nội bộ

- Phối hợp cùng các đơn vị có liên quan thẩm định và có ý kiến về tính hình pháp lý và tính phù hợp với các văn bản pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác xây dựng các quy trình, quy chế, quy định của Công ty;
- Phối hợp cùng BKS, Phòng Kiểm toán Nội bộ tiến hành các hoạt động kiểm tra định kỳ, chủ yếu dưới khía cạnh tuân thủ và một số điểm trọng yếu;
- Kiểm tra tính pháp lý của các đề xuất, tờ trình của Ban Điều hành và các đơn vị ra trước HĐQT, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách dịch vụ;
- Phối hợp cùng Phòng Tài chính Kế toán làm đầu mối làm việc cùng Kiểm toán độc lập thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, Bán niên, Năm của Công ty. Có ý kiến khi có những điểm bất thường, chưa hợp lý trong BCTC hoặc khi có quan điểm khác với Kiểm toán độc lập. Kịp thời báo cáo và đề xuất Chủ tịch HĐQT có ý kiến, trao đổi, thống nhất với Kiểm toán độc lập khi cần thiết;
- Thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, dự án đầu tư của PSI hoặc của các Doanh nghiệp mà PSI là cổ đông lớn và có cử Người đại diện khi thẩm quyền quyết định thuộc HĐQT/Chủ tịch HĐQT PSI để Báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định việc chỉ đạo hoặc xin ý kiến HĐQT PSI.

Hội đồng chính sách dịch vụ

Hội đồng chính sách dịch vụ được thành lập theo quyết định số 17/QĐ- HĐQT ngày 13/10/2014 của Hội đồng quản trị PSI. Hội đồng đã tổ chức họp 01 phiên thông qua nội dung:

- Thông qua phương án tính toán danh mục Margin;
- Thông qua mức lãi suất dịch vụ tài chính và một số chính sách ưu đãi cho khách hàng;
- Thông qua giải ngân cổ phiếu một số cổ phiếu theo đề xuất của BGD;

Hội đồng đầu tư

Hội đồng Đầu tư được thành lập theo quyết định số 18/QĐ- HĐQT ngày 13/10/2014 của Hội đồng quản trị PSI. Hội đồng đã tổ chức họp 01 phiên thông qua nội dung kế hoạch đầu tư năm 2015.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm:

- Bà Hoàng Hải Anh – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
- Ông Phạm Quang Huy - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
- Ông Đoàn Thành Nhân – Thạc sỹ Luật;
- Ông Nguyễn Việt Hà – Thạc sỹ Đầu tư Tài chính;
- Ông Trần Minh Hoàng – Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng;
- Ông Nguyễn Sinh Dũng Thăng – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
- Ông Takahiro Yazawa – Cử nhân Kinh tế.

Ban kiểm soát

Danh sách thành viên:

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm – Trưởng ban kiểm soát – sở hữu 0 cổ phần PSI.
- Ông Đoàn Ngọc Lưu – Thành viên ban kiểm soát – sở hữu 0 cổ phần PSI.
- Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên ban kiểm soát – sở hữu 0 cổ phần PSI.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- ✓ Phiên họp thứ nhất (26/04/2014): Nội dung các quyết định:
 - Thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của PSI.
 - Ban Kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2014.
 - Ban Kiểm soát phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
- ✓ Phiên họp thứ hai (16/01/2015): Nội dung các quyết định:
 - Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014.
 - Thông qua phân công thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
 - Thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2015.
 - Thông qua các công việc khác có liên quan.
- ✓ Trong năm 2014, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên đã tham gia tất các cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào các nội dung và nghị quyết phiên họp HĐQT.

Công tác kiểm soát năm 2014:

- Đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014, Báo cáo tình hình kinh doanh năm 2013, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2013, trình và được thông qua ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2014.
- Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã kết hợp với Bộ phận QTRR-KSNB thực hiện 05 cuộc kiểm tra về 04 mặt hoạt động nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính đối với các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng, Phòng DVCK.
- Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ năm 2014 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng và giữa các chi nhánh với nhau.
- Cùng Bộ phận quản trị rủi ro đã rà soát và đề nghị chỉnh sửa toàn bộ các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến thay đổi mô hình hoạt động của Công ty.
- Phối hợp cùng với các bộ phận liên quan, tham gia xây dựng các quy trình, quy chế liên quan đến hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của Công ty theo quy định mới của UBCKNN.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Chức danh	Số thành viên	Quý thù lao năm 2014		
			Không hoàn thành KH	Hoàn thành 100% KH	Hoàn thành trên 100% KH
1	Chủ tịch HĐQT	1	444.960.000	574.560.000	704.160.000
2	UV HĐQT kiêm GD	1	444.960.000	574.560.000	704.160.000
3	UV HĐQT chuyên trách	1	358.440.000	428.040.000	532.440.000
4	UV HĐQT kiêm nhiệm	4	192.000.000	192.000.000	192.000.000
5	Trưởng BKS chuyên trách	1	358.440.000	428.040.000	532.440.000
6	TV BKS kiêm nhiệm	2	48.000.000	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng			1.846.800.000	2.245.200.000	2.713.200.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÔ ĐỒNG NỘI BỘ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Nhân	Anh ruột của Trưởng BKS Công ty	4.400		525		Bán

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

TT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đoàn Thành Nhân	Cổ đông nội bộ	112.900		110.900		Bán
2	CTCP QL quý Việt Cát	Cổ đông lớn	2.858.100	4.78%	4.206.200	7.03%	Mua

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đã thực hiện theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của PSI.

BAO CÁO TÀI CHÍNH

(xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 đính kèm)

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Xác nhận của Đại diện theo Pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Hải Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hoàng Hải Anh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Sinh Dũng Thăng	Ủy viên
Ông Takahiro Yazawa	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Ông Mai Trung Dũng	Phó Giám đốc
Ông Đặng Minh Quang	Phó Giám đốc
Bà Thái Việt Anh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Số 580 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chi tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khởi bằng căn cứ kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tài các vấn đề dưới đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng giá trị khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu chưa niêm yết là 209.537.345.644 đồng, số dư các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết là 50.122.076.026 đồng. Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ các báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã trích lập 2.302.953.326 đồng dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng thông tin trên các báo giá thu thập được phản ánh mức độ giảm giá của các khoản đầu tư này.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khách hàng phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.267.892.850 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 02 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		785.956.242.502	894.912.030.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	268.890.679.368	216.127.072.454
1. Tiền	111		251.590.679.368	215.127.072.454
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.300.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	402.267.102.567	564.658.026.023
1. Đầu tư ngắn hạn	121		404.596.329.975	596.657.131.094
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.329.227.408)	(31.999.105.071)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8	109.250.148.520	104.507.878.413
1. Phải thu khách hàng	131		81.273.451.419	98.258.869.160
2. Trả trước cho người bán	132		372.512.500	830.146.850
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		1.090.000	-
4. Các khoản phải thu khác	138		29.175.097.835	6.560.879.237
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.572.003.234)	(1.142.016.834)
IV. Hàng tồn kho	140		2.819.516.733	2.786.277.958
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.728.795.314	6.832.776.027
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		651.926.654	948.973.156
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	85.580.739
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.991.287.921	5.798.222.132
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		27.888.084.105	32.090.301.132
I. Tài sản cố định	220		3.600.052.147	7.960.326.700
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.805.330.987	5.004.168.815
- Nguyên giá	222		17.744.617.830	17.630.320.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.939.286.843)	(12.626.152.015)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	794.721.160	2.956.157.885
- Nguyên giá	228		14.029.653.695	13.289.653.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.234.932.535)	(10.333.495.810)
II. Tài sản dài hạn khác	260		24.288.031.958	24.129.974.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.176.804.128	16.371.904.465
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	6.264.447.830	4.517.289.967
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.846.780.000	3.240.780.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		813.844.326.607	927.002.332.007

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		214.861.218.141	332.541.218.123
I. Nợ ngắn hạn	310		214.850.745.399	332.530.745.381
1. Vay ngắn hạn	311		-	40.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.272.788	1.754.587.873
3. Người mua trả tiền trước	313		170.406.645	467.456.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.974.164.723	581.782.127
5. Phải trả người lao động	315		2.772.331.295	11.145.483.075
6. Chi phí phải trả	316	13	1.833.357.592	4.983.315.555
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	61.490.100.828	111.850.423.581
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		116.561.806.802	147.970.568.725
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		30.079.671.803	13.891.982.200
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(74.217.077)	(497.967.077)
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		850.000	383.112.677
II. Nợ dài hạn	330		10.472.742	10.472.742
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	10.472.742
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		598.983.108.466	594.461.113.884
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	598.983.108.466	594.461.113.884
1. Vốn điều lệ	411		598.413.000.000	598.413.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.439.970.360	67.439.970.360
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế	420		(73.610.093.920)	(78.132.088.502)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		813.844.326.607	927.002.332.007

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2014		31/12/2013	
1. Chứng khoán lưu ký	006	12.241.614.990.000	5.387.938.970.000		
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	10.365.445.110.000	4.967.343.570.000		
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	135.170.000	8.511.460.000		
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	10.287.591.820.000	4.881.130.090.000		
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	77.718.120.000	77.702.020.000		
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	1.835.841.300.000	298.813.900.000		
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.746.678.300.000	209.650.900.000		
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	89.163.000.000		
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	20.000.000.000	78.800.000.000		
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	20.000.000.000	78.800.000.000		
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	19.068.470.000	12.139.850.000		
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-		
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	19.068.470.000	12.139.850.000		
1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-		
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-		
1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.260.110.000	30.841.650.000		
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	50.000	100.000		
1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.260.060.000	30.839.270.000		
1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	2.280.000		
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	180.773.780.000	47.827.490.000		



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng





Phạm Quang Huy
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		97.034.154.119	150.637.051.780
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		22.671.625.069	10.709.869.726
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		12.796.251.204	23.261.435.620
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		800.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		13.895.224.847	28.696.410.908
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		5.319.700.285	3.058.517.124
Doanh thu khác	01.9	16	41.551.352.714	84.910.818.402
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		97.034.154.119	150.637.051.780
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	58.236.722.216	94.664.829.994
4. Lãi gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		38.797.431.903	55.972.221.786
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	33.722.942.647	50.914.366.866
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		5.074.489.256	5.057.854.920
7. Thu nhập khác	31		488.000	395.894.562
8. Chi phí khác	32		52.982.674	2.777.738.756
9. Lỗ khác (40=31-32)	40		(52.494.674)	(2.381.844.194)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.021.994.582	2.676.010.726
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.021.994.582	2.676.010.726
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	84	45

Nguyễn Nguyệt Minh

Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Đinh Thị Lan Phương

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Phạm Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.021.994.582	2.676.010.726
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.214.571.553	6.723.028.258
Các khoản dự phòng	03	(29.239.891.263)	27.903.350.792
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.820.253.516)	(32.166.416.285)
Chi phí lãi vay	06	731.923.612	202.730.556
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(29.091.655.032)	5.338.704.047
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.894.747.840)	5.428.877.873
Thay đổi hàng tồn kho	10	(33.238.775)	1.460.539.737
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(79.754.907.845)	(125.302.846.003)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	198.359.882.169	(34.922.635.099)
Tiền lãi vay đã trả	13	(827.923.612)	(106.730.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	(682.250.000)	(212.280.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	83.075.159.065	(148.316.370.001)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(854.297.000)	(118.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	412.218.182
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	120.246.200.700
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.542.744.849	34.917.985.072
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	9.688.447.849	155.457.903.954
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.000.000.000	89.900.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110.000.000.000)	(49.900.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(40.000.000.000)	40.000.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	52.763.606.914	47.141.533.953
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	216.127.072.454	168.985.538.501
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	268.890.679.368	216.127.072.454

Nguyễn Nguyệt Minh

Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Đinh Thị Lan Phương

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy

Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2013	01/01/2014	Năm 2013		Năm 2014		31/12/2013	31/12/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	15	67.439.970.360	67.439.970.360	-	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
Quỹ dự phòng tài chính	15	6.740.232.026	6.740.232.026	-	-	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
Lỗi lũy kế	15	(80.808.099.228)	(78.132.088.502)	-	2.676.010.726	(500.000.000)	5.021.994.582	(78.132.088.502)	(73.610.093.920)
		591.785.103.158	594.461.113.884	-	2.676.010.726	(500.000.000)	5.021.994.582	594.461.113.884	598.983.108.466


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng


Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đồng chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 149 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 136 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC nhưng chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khởi bằng căn cứ kế toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức "hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn" với nhà đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng và tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, mặc dù lợi nhuận tính thuế của Công ty âm, tuy nhiên, do không chắc chắn về lợi ích kinh tế trong tương lai thu được từ các khoản này cũng như các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế thu nhập doanh nghiệp không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận tài sản/công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	102.686.219	350.693.447
Tiền gửi ngân hàng	215.016.476.281	204.338.646.721
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>140.664.891.576</i>	<i>178.618.644.801</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	36.471.516.868	10.437.732.286
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>35.529.019.608</i>	<i>10.001.812.002</i>
Các khoản tương đương tiền	17.300.000.000	1.000.000.000
	268.890.679.368	216.127.072.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết - giao dịch phi tập trung (i)	209.537.345.644	289.269.221.823
Cổ phiếu niêm yết	105.441.842	13.217.911.793
	209.642.787.486	302.487.133.616
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	50.122.076.026	109.664.922.350
Hợp đồng mua chứng khoán, bán chứng khoán	5.076.575.818	23.868.625.818
Giao dịch ký quỹ chứng khoán (iii)	139.754.890.645	160.636.449.310
	194.953.542.489	294.169.997.478
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.302.953.326)	(31.600.678.505)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(26.274.082)	(38.426.566)
Dự phòng hợp tác đầu tư	-	(360.000.000)
	(2.329.227.408)	(31.999.105.071)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	402.267.102.567	564.658.026.023

- (i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về rủi ro giá của các cổ phiếu này và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán (trình bày tại Thuyết minh số 5) để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này với số tiền là 2.302.953.326 đồng. Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng thông tin trên các báo giá thu thập được phù hợp với mức độ giảm giá của các khoản đầu tư này.
- (ii) Thể hiện số dư các hợp đồng hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
- (iii) Giao dịch ký quỹ chứng khoán phản ánh số tiền Công ty đã cấp cho nhà đầu tư thông qua dịch vụ và tài khoản ký quỹ. Công ty kiểm soát rủi ro hoạt động này thông qua việc quản lý số lượng và giá trị chứng khoán tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
			Tăng		Giảm			
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ phiếu niêm yết	105.441.842	13.217.911.793	36.114.040	-	26.274.082	38.426.566	115.281.800	13.179.485.227
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	551.370	5.534.750	228.730	-	-	-	780.100	5.534.750
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	103.830	203.000	-	-	330	-	103.500	203.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	265.720	265.720	-	-	85.920	-	179.800	265.720
Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát	-	13.093.399.000	-	-	-	-	-	13.093.399.000
Các cổ phiếu khác	104.520.922	118.509.323	35.885.310	-	26.187.832	38.426.566	114.218.400	80.082.757
Ủy thác đầu tư	12.000.000.000	49.900.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000	49.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	37.900.000.000	-	-	-	-	-	37.900.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	209.537.345.644	289.269.221.823	35.100	-	2.302.953.326	31.600.678.505	207.234.427.418	257.668.543.318
Tổng cộng	221.642.787.486	352.387.133.616	36.149.140	-	2.329.227.408	31.639.105.071	219.349.709.218	320.748.028.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh lũy kế từ đầu năm đến cuối		Số cuối năm			Số dự phòng đã
	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Quá hạn	Khó đòi	lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Phải thu khách hàng (i)	98.258.869.160	-	-	1.909.773.613.399	1.926.759.031.140	81.273.451.419	2.226.938.794	-	1.572.003.234
2. Trả trước cho người bán	830.146.850	-	-	3.214.731.472	3.672.365.822	372.512.500	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	1.385.000	295.000	1.090.000	-	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	-	-	-	1.385.000	295.000	1.090.000	-	-	-
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	547.042.003	547.042.003	-	-	-	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	1.856.144.456.816	1.856.144.456.816	-	-	-	-
6. Phải thu khác (ii)	6.560.879.237	-	-	542.473.042.762	519.858.824.164	29.175.097.835	-	-	-
Cộng	105.649.895.247	-	-	2.455.461.387.633	2.450.290.221.126	110.822.151.754	2.226.938.794	-	1.572.003.234

(i) Số dư các khoản phải thu khách hàng bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên) và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.267.892.850 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

(ii) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức và lãi tiền gửi	283.542.933	561.051.600
Phải thu do chi hệ đối tác	215.580.178	362.366.279
Phải thu về hợp đồng ký quỹ chứng khoán	23.176.862.123	-
Phải thu khác	5.499.112.601	5.637.461.358
	29.175.097.835	6.560.879.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	14.733.457.130	2.896.863.700	17.630.320.830
Tăng trong năm	114.297.000	-	114.297.000
Tại ngày 31/12/2014	14.847.754.130	2.896.863.700	17.744.617.830
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	10.963.664.675	1.662.487.340	12.626.152.015
Khấu hao trong năm	1.953.169.878	359.964.950	2.313.134.828
Tại ngày 31/12/2014	12.916.834.553	2.022.452.290	14.939.286.843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	1.930.919.577	874.411.410	2.805.330.987
Tại ngày 31/12/2013	3.769.792.455	1.234.376.360	5.004.168.815

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.421.841.513 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 4.057.346.904 đồng).

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	12.989.653.695	300.000.000	13.289.653.695
Tăng trong năm	-	740.000.000	740.000.000
Tại ngày 31/12/2014	12.989.653.695	1.040.000.000	14.029.653.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	10.125.431.294	208.064.516	10.333.495.810
Khấu hao trong năm	2.797.673.284	103.763.441	2.901.436.725
Tại ngày 31/12/2014	12.923.104.578	311.827.957	13.234.932.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	66.549.117	728.172.043	794.721.160
Tại ngày 31/12/2013	2.864.222.401	91.935.484	2.956.157.885

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.192.905.425 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.233.190.675 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.130.021.283	4.382.863.420
Tiền lãi phân bổ trong năm	14.426.547	14.426.547
	6.264.447.830	4.517.289.967

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	569.277.352	265.118.066
Thuế thu nhập cá nhân	1.404.887.371	291.757.185
Thuế nhà thầu	-	24.906.876
	1.974.164.723	581.782.127

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	-	96.000.000
Chi phí trích trước chi phí hợp đồng tư vấn	700.000.000	2.080.000.000
Chi phí trích trước thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	121.427.004	1.019.877.000
Chi phí lãi trích trước Hợp đồng mua gom trái phiếu	-	480.277.778
Chi phí phải trả khác	1.011.930.588	1.307.160.777
	1.833.357.592	4.983.315.555

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tài chính	-	70.000.000.000
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	57.830.240.123	39.369.603.500
Phải trả, phải nộp khác	3.659.860.705	2.480.820.081
	61.490.100.828	111.850.423.581

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(80.808.099.228)	591.785.103.158
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.676.010.726	2.676.010.726
Tại ngày 01/01/2014	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(78.132.088.502)	594.461.113.884
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.021.994.582	5.021.994.582
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(73.610.093.920)	598.983.108.466

	31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.841.300	598.413.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Biến động số cổ phần trong năm như sau:	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	59.841.300	598.413.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Số dư cuối năm	59.841.300	598.413.000.000

16. DOANH THU KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động mua chứng khoán, bán chứng khoán	2.215.230.390	4.182.596.509
Doanh thu lãi tiền gửi	5.037.432.782	10.180.173.607
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	2.967.479.545	47.149.048.172
Doanh thu giao dịch ký quỹ chứng khoán	22.989.827.940	17.694.941.973
Doanh thu khác	8.341.382.057	5.704.058.141
	41.551.352.714	84.910.818.402

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.289.791.943	5.632.755.526
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	44.100.106.570	2.827.199.804
Chi phí hoạt động tư vấn	10.052.062.220	14.872.902.659
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	4.551.040.573	2.333.086.879
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng	(29.669.877.663)	26.761.333.958
Chi phí khác (i)	19.913.598.573	42.237.551.168
	58.236.722.216	94.664.829.994

- (i) Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư, chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu và chi phí tương ứng với doanh thu về bộ chỉ số PVN-Index ghi nhận trong năm.

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.615.736.104	22.110.925.322
Chi phí vật liệu quản lý	-	33.393.091
Chi phí đồ dùng văn phòng	340.302.755	1.030.853.252
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.857.581.331	2.931.574.824
Thuế, phí và lệ phí	1.486.695.303	2.633.859.838
Chi phí dự phòng (*)	429.986.400	1.142.016.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	19.992.640.754	21.031.743.705
	33.722.942.647	50.914.366.866

- (*) Thể hiện phần trích lập dự phòng phải thu khó đòi thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.021.994.582	2.676.010.726
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	84	45

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê ban đầu là 8.639 USD/tháng. Kể từ tháng 02 năm 2013 đến tháng 4 năm 2014, đơn giá thuê được áp dụng là 7.639 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 01 tháng 7 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội để làm trụ sở làm việc với giá thuê 190.530 VND/m²/tháng. Thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Năm 2014	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	931.840	21.786.565.500
Trái phiếu	-	-
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	690.811.117	10.140.230.158.300
Trái phiếu	127.534.066	14.277.555.108.970
Chứng chỉ quỹ	25.680	265.181.000
	819.302.703	24.439.837.013.770

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cổ đông lớn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị	Cổ đông
Ban Giám đốc	Điều hành trực tiếp

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.850.738.888	18.567.541.269
Doanh thu tư vấn		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.451.698.484	7.865.454.545
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	135.454.545	2.723.636.363
Doanh thu quản lý cổ đông		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Doanh thu lưu ký		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.283.784.900	311.953.380
Doanh thu về phát hành bộ chỉ số PVN-Index		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.571.535.010	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	200.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị	3.549.028.282	3.846.323.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản tiền gửi thanh toán		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	76.512.544.275	141.839.678
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	679.000.000	13.515.600.761
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	35.000.000	35.000.000
Các khoản phải trả		
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	-	70.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (lãi phải trả theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	-	480.277.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Dịch vụ tài chính và tiền gửi VND	Khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
Năm 2014					
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22.671.625.069	12.796.251.204	41.551.352.714	20.014.925.132	97.034.154.119
2. Các chi phí trực tiếp	(9.289.791.943)	(14.430.228.907)	(19.913.598.573)	(14.603.102.793)	(58.236.722.216)
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	(7.563.973.203)	(1.740.845.988)	(16.268.203.143)	(8.149.920.313)	(33.722.942.647)
4. Thu nhập khác	-	-	-	488.000	488.000
5. Chi phí khác	-	-	-	(52.982.674)	(52.982.674)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thuế	5.817.859.923	(3.374.823.691)	5.369.550.998	(2.790.592.648)	5.021.994.582
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	187.247.458.185	207.314.650.078	274.870.761.799	2.247.544.289	671.680.414.351
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	142.163.912.256
Tổng Tài sản	187.247.458.185	207.314.650.078	274.870.761.799	2.247.544.289	813.844.326.607
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	116.561.806.802	-	60.071.746.281	30.079.671.803	206.713.224.886
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	8.147.993.255
Tổng Nợ phải trả	116.561.806.802	-	60.071.746.281	30.079.671.803	214.861.218.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.890.679.368	216.127.072.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.877.636.020	103.677.731.563
Đầu tư ngắn hạn	402.267.102.567	564.658.026.023
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	780.035.417.955	884.462.830.040
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	40.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	208.184.324.963	275.478.035.121
Chi phí phải trả	1.833.357.592	4.983.315.555
Tổng cộng	210.017.682.555	320.461.350.676

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trong yếu phát sinh từ các khoản tiền nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị sổ sách của cổ phiếu niêm yết là 105.441.842 đồng. Nếu giá các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 10.544.184 đồng.

Đối với cổ phiếu OTC, do không có giá giao dịch chính thức trên thị trường nên Công ty không phân tích độ nhạy của thay đổi giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.890.679.368	-	268.890.679.368
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.877.636.020	-	108.877.636.020
Đầu tư ngắn hạn	402.267.102.567	-	402.267.102.567
Tổng cộng	780.035.417.955	-	780.035.417.955
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	208.184.324.963	-	208.184.324.963
Chi phí phải trả	1.833.357.592	-	1.833.357.592
Tổng cộng	210.017.682.555	-	210.017.682.555
Chênh lệch thanh khoản thuần	570.017.735.400	-	570.017.735.400
31/12/2013	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.127.072.454	-	216.127.072.454
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.677.731.563	-	103.677.731.563
Đầu tư ngắn hạn	564.658.026.023	-	564.658.026.023
Tổng cộng	884.462.830.040	-	884.462.830.040
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	275.478.035.121	-	275.478.035.121
Chi phí phải trả	4.983.315.555	-	4.983.315.555
Tổng cộng	320.461.350.676	-	320.461.350.676
Chênh lệch thanh khoản thuần	564.001.479.364	-	564.001.479.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền kỳ quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng giao dịch ký quỹ.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày phát hành báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải trình bày trên báo cáo.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist,
số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4)39343888 - Fax (84-4)39343999
Website: <http://psi.vn>